

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : L0672012 - Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Quảng Diệu	Thành	3710102007	27/08/1992	7,00	5,00	5,60	
2	Đặng Văn	Bảo	3710102008	12/08/1992	6,00	4,00	4,60	
3	Đặng Quốc	Duy	3710102009	10/02/1986	7,00	8,00	7,70	
4	Nguyễn Thành	Vinh	3710102012	01/07/1992	4,00	3,00	3,30	
5	Dương Phạm Hoàng	Anh	3710102015	09/03/1992	7,00	3,00	4,20	
6	Nguyễn Văn	Tinh	3710102021	10/01/1984	5,00	5,00	5,00	
7	Phạm Hùng	Cường	3710102022	05/10/1991	4,00	,00	1,20	CT
8	Nguyễn Thành	Nam	3710102023	27/01/1988	5,00	5,00	5,00	
9	Trần Văn	Thịnh	3710102027	00/00/1990	5,00	3,00	3,60	
10	Phan Thanh	Dũng	3710102028	10/09/1991	5,00	4,00	4,30	
11	Trần Thúc	Định	3710102030	19/08/1992	5,00	4,00	4,30	
12	Nguyễn Văn	Giảng	3710102032	05/08/1992	3,00	4,00	3,70	
13	Phạm Hồng	Ngọc	3710102034	30/11/1990	4,00	3,00	3,30	
14	Bùi Tiến	Hoàng	3710102037	23/03/1992	4,00	5,00	4,70	
15	Bùi Trung	Tinh	3710102046	06/01/1991	5,00	6,00	5,70	
16	Võ Văn	Minh	3710102047	20/02/1991	7,00	4,00	4,90	
17	Võ Trương Ái	Trân	3710102048	05/09/1992	7,00	9,00	8,40	
18	Nguyễn Thanh	Hiền	3710102052	17/11/1991	5,00	5,00	5,00	
19	Nguyễn Huỳnh	Thắng	3710102053	05/06/1991	4,00	4,00	4,00	
20	Võ Thanh	Quang	3710102054	20/11/1989	6,00	2,00	3,20	
21	Võ Văn	Hải	3710102057	15/01/1990	7,00			
22	Từ Công	Tân	3710102059	05/06/1990	5,00	3,00	3,60	
23	Bùi Đăng	Minh	3710102060	02/09/1988	6,00	6,00	6,00	
24	Phạm Văn	Trung	3710102061	10/12/1991	6,00	3,00	3,90	
25	Lê Hoàng	Ân	3710102062	22/12/1986	6,00	4,00	4,60	
26	Phạm Quan	Trường	3710102063	18/02/1990	5,00	4,00	4,30	
27	Lê Khắc	Nam	3710102066	16/07/1991	7,00	7,00	7,00	
28	Đặng Tuấn	Nhân	3710102069	05/01/1987	6,00	6,00	6,00	
29	Hồ Thanh	Hoàng	3710102074	25/05/1990	6,00	4,00	4,60	
30	Nguyễn Hữu	Tuấn	3710102076	28/09/1991	,00	,00	,00	CT
31	Đoàn Trung	Kiên	3710102077	21/08/1992	5,00			
32	Nguyễn Phạm Thành	Giang	3710102079	18/01/1991	6,00	3,00	3,90	
33	Nguyễn Kiều	Hoàng	3710102081	11/09/1992	5,00	5,00	5,00	
34	Trần Tùng	Hải	3710102084	02/07/1989	5,00	,00	1,50	CT
35	Nguyễn Văn	Bản	3710102087	12/10/1987	5,00	5,00	5,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Dương Bá	Tiến	3710102089	20/05/1988	2,00	3,00	2,70	
37	Dư Văn	Tí	3710102094	16/12/1988	,00	,00	,00	CT
38	Phạm Ngọc	Huy	3710102096	15/10/1991	3,00	2,00	2,30	
39	Văn Quốc	Dũng	3710102099	10/09/1989	5,00	6,00	5,70	
40	Nguyễn Xuân	Nhật	3710102100	14/11/1990	,00	,00	,00	CT
41	Lê Anh	Duy	3710102103	05/04/1990	4,00	4,00	4,00	
42	Nguyễn Sơn	Lâm	3710102104	02/02/1991	8,00	6,00	6,60	
43	Nguyễn Văn	Khoa	3710102105	26/06/1991	4,00	4,00	4,00	
44	Huỳnh Quang	Nhân	3710102106	21/12/1987	6,00	4,00	4,60	
45	Nguyễn Ngọc	Trung	3710102112	20/10/1990	5,00	4,00	4,30	
46	Diệp Minh	Tâm	3710102114	21/06/1990	3,00	3,00	3,00	
47	Trần Lê Thy	Khanh	3710102115	02/03/1989	5,00	4,00	4,30	
48	Đặng	Hữu	3710102117	25/08/1988	5,00	5,00	5,00	
49	Phạm Văn	Hạnh	3710102118	17/11/1992	7,00	6,00	6,30	
50	Đình Minh	Tiến	3710102123	20/11/1989	5,00	4,00	4,30	
51	Phan Lê	Duy	3710102124	06/06/1990	4,00	3,00	3,30	
52	Lâm Hữu	Phước	3710102125	19/05/1990	5,00	4,00	4,30	
53	Nguyễn Anh	Thông	3710102126	12/12/1990	,00	,00	,00	CT
54	Lại Minh	Tuấn	3710102129	20/09/1985	,00	,00	,00	CT
55	Trần Đức	Thuận	3710102130	09/10/1990	,00	,00	,00	CT
56	Huỳnh Trung	Dũng	3710102131	09/01/1989	4,00	5,00	4,70	
57	Đặng Quốc	Hòa	3710102136	19/03/1988	7,00	7,00	7,00	
58	Trần Văn	Huyền	3710102137	25/12/1989	,00	,00	,00	CT
59	Nguyễn Đình	Tân	3710102138	08/02/1983	7,00	5,00	5,60	
60	Đạo Thanh	Nhật	3710102140	02/07/1988	2,00	4,00	3,40	
61	Trần Văn	Hiếu	3710102144	02/01/1991	7,00	5,00	5,60	
62	Vũ Đình	Ninh	3710102152	08/09/1989	7,00	6,00	6,30	
63	Trần Anh	Khương	3710102161	13/08/1987	5,00	3,00	3,60	
64	Nguyễn Văn Minh	Tân	3710102165	14/09/1991	7,00	3,00	4,20	
65	Nguyễn Hoài	Huy	3710102166	20/05/1990	4,00	3,00	3,30	
66	Huỳnh Văn	Đang	3710102167	19/12/1988	4,00	3,00	3,30	
67	Bùi Minh	Tân	3710102168	06/07/1992	4,00	4,00	4,00	
68	Nguyễn Đức	An	3710102174	20/06/1989	4,00			
69	Lưu Thái	Quốc	3710102175	21/05/1988	6,00	3,00	3,90	
70	Lộ Anh	Ních	3710102177	10/09/1987	5,00	4,00	4,30	
71	Bùi Thanh	Vũ	3710102180	23/03/1991	,00	,00	,00	CT
72	Phạm Minh	Thiện	3710102182	16/07/1988	,00	,00	,00	CT

Học phần : L0672012 - Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)